

Phụ lục 1

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1159/QĐ-ĐHTV, ngày 16 tháng 3 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh)

Tên ngành: Tiếng Anh

Mã ngành, nghề: C220201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định của Trường Đại học Trà Vinh

Thời gian đào tạo: 03 năm

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân ngành Tiếng Anh có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp để có thể làm việc trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng Tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng nói riêng và của xã hội nói chung.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- **Về kiến thức:**

- Có kiến thức ngôn ngữ và văn hóa các ngôn ngữ Pháp, Hoa và Hàn (Sinh viên chọn ngôn ngữ) bậc sơ cấp.
- Có kiến thức ngôn ngữ và văn hóa tiếng Anh và tiếng Việt;
- Có kiến thức văn hoá, xã hội và văn học của các nước sử dụng tiếng Anh, chủ yếu là nước Anh và Mỹ;
- Có sự hiểu biết lý luận của công tác dịch thuật Anh – Việt, Việt – Anh , nhất là trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại và văn hóa – xã hội.
- Có kiến thức cơ bản về giảng dạy tiếng Anh, nghiên cứu khoa học ngành tiếng Anh.

- **Về kỹ năng:** (bao gồm kỹ năng mềm)

- Có năng lực soạn một bài giảng tiếng Anh Nghe – Nói - Đọc – Viết.
- Sử dụng các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt và tiếng Anh trong lĩnh vực đời sống xã hội và trong công việc hàng ngày;
- Thực hiện công tác biên dịch, phiên dịch Anh – Việt và Việt – Anh trong các tình huống giao tiếp trong đời sống và các thể loại dịch nói và dịch viết phổ biến trong công việc;
- Thực hiện được các công việc văn phòng như soạn thảo và quản lý các loại hồ sơ, tài liệu thông thường, các loại hợp đồng thương mại;
- Hỗ trợ công tác giao tiếp qua thư điện tử; tổ chức và điều hành hội họp;
- Sử dụng một ngoại ngữ thứ ba (tiếng Hoa, Pháp, Hàn) ở mức trung cấp;
- Có năng lực nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ, văn học, văn hóa hoặc xã hội;
- Có khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa;
- Có khả năng tự nghiên cứu học ở bậc học cao hơn trong và ngoài nước.

• **Về thái độ:**

Người học sẽ hình thành thái độ tích cực đối với nghề nghiệp và đối với cộng đồng xung quanh, được thể hiện qua các mặt sau:

- Có tinh thần yêu nước, ý thức tuân thủ pháp luật;
- Có các tố chất đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp như năng động, sáng tạo;
- Có lòng yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có phẩm chất đạo đức tốt;
- Có tinh thần đoàn kết, phối hợp nhóm trong quá trình làm việc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh, có thể làm việc ở nhiều vị trí khác nhau tại các cơ quan nhà nước hoặc doanh nghiệp, nhất là các đơn vị có yếu tố nước ngoài hoặc có nhu cầu sử dụng Tiếng Anh;
- Có khả năng tham gia vào các hoạt động dịch thuật trong nhiều lĩnh vực khác nhau;
- Các vị trí nghề nghiệp phổ biến như biên, phiên dịch viên Anh – Việt, Việt – Anh; giáo viên Tiếng Anh (nếu có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm); chuyên viên nghiên cứu, điều tra xã hội học.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: **43** (Chưa kể Khối kiến thức các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh)
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: **2145** giờ
- Khối lượng các môn học đại cương: **795** giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: **1350** giờ (Tính cả Ngoại khóa, thực tập thực tế và thực tập tốt nghiệp, môn học thay thế; *không tính khóa luận*)
- Khối lượng lý thuyết: **675** giờ, thực hành: **1155** giờ, kiểm tra: **135** giờ
- Thời gian khóa học: **3 năm** (6 học kỳ)

3. Nội dung chương trình:

STT	Tên môn học	Số tín chỉ
Môn học đại cương bắt buộc:		
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	5
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
4	<i>Giáo dục thể chất 1</i>	<i>1</i>
5	<i>Giáo dục thể chất 2</i>	<i>1</i>
6	<i>Giáo dục thể chất 3</i>	<i>1</i>
7	<i>Giáo dục Quốc phòng và An ninh</i>	165 tiết
8	Pháp luật đại cương	2
9	Tin học đại cương	3
10	Communicative Grammar 1 (Ngữ pháp giao tiếp 1)	3
11	Foreign Language 2 – Basic 1 (Ngoại ngữ 2 - Cơ bản 1)	3

12	Foreign Language 2 – Basic 2 (Ngoại ngữ 2 - Cơ bản 2)	3
13	Research Methodology (Phương pháp nghiên cứu khoa học)	3
14	Oral Translation 1 (Phiên dịch 1)	2
15	Written Translation 1 (Biên dịch 1)	2
Các môn học đại cương tự chọn		6
16	English Teaching Methodology 1 (Phương pháp Giảng dạy Tiếng Anh 1)	2
17	Communicative Grammar 2 (Ngữ pháp giao tiếp 2)	2
18	Pronunciation (Phát âm)	2
19	Graphic Design (Đồ họa ứng dụng)	2
Môn học cơ sở bắt buộc		
20	Listening and Speaking 1 (Nghe nói 1)	2
21	Listening and Speaking 2 (Nghe nói 2)	2
22	Listening and Speaking 3 (Nghe nói 3 - Preliminary)	2
23	Reading 1 (Đọc hiểu 1)	2
24	Reading 2 (Đọc hiểu 2)	2
25	Writing 1 (Viết 1)	2
26	Writing 2 (Viết 2)	2
27	Writing 3 (Viết 3 - Preliminary)	3

Môn học cơ sở tự chọn		6
28	Introduction to Linguistics (Nhập môn Ngôn ngữ học)	4
29	English Teaching Methodology 2 (Phương pháp Giảng dạy Tiếng Anh 2)	2
30	Event Management (Tổ chức sự kiện)	2
Môn học chuyên ngành bắt buộc		
31	Listening and Speaking 4 (Nghe nói 4 - Independent)	2
32	Listening and Speaking 5 (Nghe nói 5 - Advanced)	2
33	Reading 3 (Đọc hiểu 3 - Preliminary)	2
34	Reading 4 (Đọc hiểu 4 - Independent)	2
35	Reading 5 (Đọc hiểu 5 - Advanced)	2
36	Writing 4 (Viết 4 - Independent)	3
37	Writing 5 (Viết 5 - Advanced)	3
38	American Literature (Văn học Mỹ)	3
Môn học chuyên ngành tự chọn		2
39	World Literature Survey (Khảo luận văn học thế giới)	2
40	Phân tích số liệu khoa học xã hội (SPSS)	2
Môn ngoại khóa bắt buộc:		

	Web Design (Thiết kế trang web cơ bản)	2
Môn ngoại khóa tự chọn:		2
41	Academic writing (Viết học thuật)	2
42	Tiếng Việt thực hành	2
43	Thực tập thực tế	2
44	Practicum (Thực tập tốt nghiệp)	3
Hoặc	Khóa luận tốt nghiệp	5
	Hoặc học bổ sung kiến thức:	5
45	Writing 6 (Viết 6 - Proficient)	3
46	Listening and Speaking 6 (Nghe nói 6 - Proficient)	2
	Tổng	95